

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
T. KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 38/2019/DSST

Ngày 28/6/2019

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Lý

2. Bà Hà Thị Kim Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang: Ông Nguyễn Minh Hậu – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 30/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2019 về: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH một thành viên Lương thực T

Địa chỉ: Ấp S, xã V, huyện T, tỉnh A.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Mai Hùng C.** Chức vụ: Chuyên viên pháp lý. (Ông Cường có mặt)

2. Bị đơn: Ông Đỗ Quý H, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo nội dung đơn khởi kiện, nguyên đơn Công ty TNHH một thành viên Lương thực T (viết tắt: Công ty T) trình bày:

Ngày 18/5/2018 Công ty T có ký hợp đồng sản xuất và thu mua lúa vụ hè thu 2018 với ông Đỗ Quý H. Theo đó, ông H mua vật tư nông nghiệp theo hình thức thanh toán chậm đến cuối vụ và tiến hành sản xuất lúa, hàng hóa theo hướng dẫn của Công ty T. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, đến mùa vụ ông H không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tiền mua vật tư nông nghiệp và hiện nay còn nợ Công ty T số tiền 279.873.450 đồng. Công ty đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông H vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Nay Công ty T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đỗ Quý H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T số tiền 279.873.450 đồng.

** Bị đơn ông Đỗ Quý H:* Mặc dù ông H đã biết và nhận được Thông báo thụ lý vụ án và tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông H vẫn không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa và không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về nội dung đơn khởi kiện của Công ty T nên không có lời khai của ông H tại Tòa án.

Tại phiên tòa, ông Mai Hùng C – người đại diện theo ủy quyền của Công ty T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất phát biểu quan điểm như sau:

Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất trong quá trình giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 26, 27 đến Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX), thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc ông Đỗ Quý H có trách nhiệm trả cho Công ty T số tiền 279.873.450 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở xác định vụ án có quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền xét xử theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về thủ tục tố tụng: Ông Đỗ Quý H đã được Tòa án niêm yết hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H.

3. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua diễn biến tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau: Ngày 18/5/2018 Công ty T có ký hợp đồng sản xuất và thu mua lúa vụ hè thu 2018 với ông Đỗ Quý H (BL 63). Hai bên có thỏa thuận, Công ty T sẽ cung cấp lúa giống và vật tư nông nghiệp để ông H sản xuất lúa, đến khi thu hoạch thì ông H phải có trách nhiệm bán lúa tươi cho Công ty T. Sau đó, Công ty T đã cung cấp lúa giống và vật tư nông nghiệp cho ông Đỗ Quý H theo hợp đồng từ tháng 4/2018 đến tháng 6/2018 với tổng số tiền là 351.873.450 đồng (BL 61, 62). Tuy nhiên đến ngày thu hoạch ông H vi phạm hợp đồng, không bán lúa cho Công ty T mà bán ra bên ngoài. Phía Công ty T đã yêu cầu ông H trả lại số tiền lúa giống và vật tư nông nghiệp 351.873.450 đồng nhưng ông H mới chỉ trả được số tiền 72.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 279.873.450 đồng. Ngày 04/9/2018, ông H có Tờ tường trình có xác nhận còn nợ Công ty T số tiền 279.873.450 đồng (BL 28).

Do không thu thập được lời khai của ông Đỗ Quý H nên Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký của ông H trong Hợp đồng sản xuất - thu mua lúa vụ hè thu 2018 và sổ chi tiết giao nhận vật tư ngày 03/8/2018. Tại Kết luận giám định số 301/KL-KTHS ngày 14/5/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang đã kết luận chữ ký và chữ viết ghi họ tên “Đỗ Quý H” trong Hợp đồng sản xuất - thu mua lúa vụ hè thu 2018 và sổ chi tiết giao nhận vật tư ngày 03/8/2018 so với chữ ký và chữ viết ghi họ tên “Đỗ Quý H” trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra.

Như vậy có cơ sở xác định ông Đỗ Quý H có hợp đồng sản xuất và thu mua lúa với Công ty T và vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền vật tư nông nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 440 Bộ luật dân sự 2015 nên yêu cầu khởi kiện của Công ty T là có căn cứ để chấp nhận.

Khoản 1 Điều 440 Bộ luật dân sự 2015 quy định như sau: “Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng”.

Về tiền lãi: Do Công ty T không có yêu cầu ông H phải trả lãi trên số tiền chậm trả nên HĐXX không xem xét.

Từ những phân tích trên, sau khi thảo luận nghị án HĐXX chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc ông Đỗ Quý H phải có trách nhiệm trả cho Công ty T số tiền 279.873.450 đồng.

5. Về án phí:

- Ông H phải chịu án phí DSST có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

- Công ty T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 và các Điều 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự 2015.

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH một thành viên lương thực T đối với ông Đỗ Quý H.

Buộc ông Đỗ Quý H phải có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH một thành viên lương thực T số tiền 279.873.450 đồng (Hai trăm bảy mươi chín triệu, tám trăm bảy mươi ba ngàn, bốn trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí DSST:

- Ông Đỗ Quý H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 13.993.673 đồng (Mười ba triệu, chín trăm chín mươi ba ngàn, sáu trăm bảy mươi ba đồng).

- Công ty TNHH một thành viên lương thực T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.950.000 đồng (Sáu triệu, chín trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0000633 ngày 09/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất.

Án xử công khai, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng ông Đỗ Quý H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS cùng cấp;
- Dương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Cúc